

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Thái Hà	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2008)
Ông Ngô Anh Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2008)
Ông Dương Minh Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2008)
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2008)
Ông Phạm Ngọc Giản	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2008)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Minh Đức	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Dương Minh Đức

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như trình bày tại thuyết minh số 4, phần thuyết minh báo cáo tài chính, chỉ tiêu “dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh” của Công ty trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2007 không bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết, chủ yếu là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Bắc, không có giá tham chiếu trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm trước. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán tự doanh tại ngày 31/12/2008 theo giá ước tính có thể giao dịch được với giá trị 33.477.482.836 VND. Theo các qui định hiện hành về kế toán, dự phòng giảm giá được trích lập trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán đầu tư. Nếu trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh trên cơ sở các thông tin về giá tham chiếu trên thị trường tại ngày 31/12/2008, giá trị khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh sẽ tăng 91.020.634.400 VND và lợi nhuận trước thuế giảm một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty cũng quyết định điều chỉnh hồi tố khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh tại ngày 31/12/2007 theo giá ước tính có thể giao dịch được tại thời điểm cùng ngày với giá trị 20.244.379.737 VND. Do không có cơ sở về mức lập dự phòng đã ghi nhận trên báo cáo tài chính, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh điều chỉnh hồi tố cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 cũng như các ảnh hưởng của khoản mục này tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết liên quan đến vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Mặc dù không đưa ra thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Ngày 24/10/2008, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2008/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2008 và thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Công ty vẫn lập báo cáo theo các quy định của Quyết định 99/2000/QĐ-BTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc chưa áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 03 năm 2009

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0723/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007 (Điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		642.857.101.810	383.154.363.242
I. Tiền	110		131.212.033.916	194.009.607.546
1. Tiền mặt	111		178.704.088	404.027.184
2. Tiền gửi ngân hàng	112		66.167.380.181	125.388.687.969
3. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch CK	114		47.310.531.957	30.224.194.041
4. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	116		17.555.417.690	37.992.698.352
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	500.406.257.207	128.913.062.500
1. Chứng khoán tự doanh	121		251.754.717.043	144.032.179.137
2. Đầu tư ngắn hạn	123		282.129.023.000	9.373.000.000
3. Dự phòng giảm giá CK và đầu tư ngắn hạn	126		(33.477.482.836)	(24.492.116.637)
III. Các khoản phải thu	130		7.725.482.137	55.017.732.811
1. Phải thu của người đầu tư	132	6	4.635.254.477	40.412.163.249
3. Ứng trước cho người bán	134		811.371.600	946.606.700
4. Phải thu khác	137		2.278.856.060	13.658.962.862
IV. Vật liệu, công cụ tồn kho	140		222.246.309	64.000.000
1. Vật liệu	142		64.000.000	64.000.000
2. Công cụ dụng cụ	143		158.246.309	-
V. Tài sản lưu động khác	150		3.291.082.241	5.149.960.385
1. Tạm ứng	151		611.241.784	1.810.771.494
2. Chi phí trả trước	152		2.679.840.457	3.339.188.891
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200 = 210++220+240)	200		90.690.058.259	47.149.145.184
I. Tài sản cố định	210		8.138.102.855	6.032.502.189
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	7.712.490.767	5.993.167.334
- Nguyên giá	212		9.886.983.694	6.592.365.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(2.174.492.927)	(599.198.658)
2. Tài sản cố định vô hình	217		425.612.088	39.334.855
- Nguyên giá	218		728.934.075	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(303.321.987)	(665.145)
II. Các khoản đầu tư dài hạn	220	8	79.356.800.000	38.234.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	224		79.356.800.000	38.234.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	240		3.195.155.404	2.882.642.995
1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	241		1.501.732.800	1.490.304.911
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	242		343.245.771	120.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	243		1.350.176.833	1.272.338.084
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		733.547.160.069	430.303.508.426

Các thuyết minh từ trang 4 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007 (Điều chỉnh lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		446.611.271.414	142.926.750.166
I. Nợ ngắn hạn	310		446.611.271.414	142.926.750.166
1. Vay ngắn hạn	311	9	300.000.000.000	41.420.098.837
2. Phải trả người bán	318		25.792.800	3.700.000
3. Người mua ứng trước	319		205.000.000	15.000.000
4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	320		52.287.693.803	9.230.884.729
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	323		157.360.994	14.539.356
6. Phải trả nhân viên	324		4.480.251.265	2.818.351.985
7. Chi phí phải trả	325		7.978.130.712	308.007.838
8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	327		-	3.870.326.580
9. Phải trả, phải nộp khác	328	10	17.193.021.348	29.297.734.854
10. Tài sản thừa chờ xử lý	329		70.090.000	90.000
11. Thanh toán giao dịch CK của người đầu tư	332		64.213.930.492	55.948.015.987
B. NGUỒN VỐN	400	11	286.935.888.655	287.376.758.260
1. Vốn điều lệ đã góp	411		287.250.000.000	287.250.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	432		12.675.826	12.675.826
+ Dự trữ pháp định	433		6.337.913	6.337.913
+ Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán	434		6.337.913	6.337.913
3. Lợi nhuận chưa phân phối	438		76.793.384	114.082.434
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	439		(403.580.555)	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN (450 = 300+ 400)	450		733.547.160.069	430.303.508.426

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG	Mã số	31/12/2008	31/12/2007
1. Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước	006	557.455.260.000	186.150.440.000
1.1 Chứng khoán giao dịch của công ty	008	30.859.830.000	2.667.130.000
1.2 Chứng khoán giao dịch của người đầu tư	009	517.679.580.000	171.483.310.000
1.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người đầu tư	013	8.915.850.000	-
1.4 Chứng khoán cầm cố của người đầu tư	017	-	12.000.000.000

Dương Minh Đức
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2009

Nguyễn Văn Nhiệm
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008	Từ 19/12/2006 đến 31/12/2007 (Điều chỉnh lại)
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh CK	01		87.294.114.121	53.048.541.873
Doanh thu môi giới CK cho người đầu tư	02		7.256.421.510	6.194.304.938
Doanh thu hoạt động tự doanh CK	03		6.769.472.733	34.373.535.600
Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành CK	05		80.000.000	348.817.000
Doanh thu tư vấn đầu tư CK cho người đầu tư	06		891.229.882	366.000.000
Doanh thu lưu ký CK cho người đầu tư	07		2.720.835.188	3.748.802.700
Doanh thu về vốn kinh doanh	09		69.576.154.808	8.017.081.635
2. Các khoản giảm trừ	11		-	-
3. Doanh thu thuần	12		87.294.114.121	53.048.541.873
4. Thu lãi đầu tư	13		1.666.976.200	151.038.300
5. Doanh thu hoạt động kinh doanh CK và lãi đầu tư	14		88.961.090.321	53.199.580.173
6. Chi phí hoạt động kinh doanh CK	15	12	(58.662.071.976)	(33.179.192.686)
7. Lợi nhuận gộp	20		30.299.018.345	20.020.387.487
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		(30.112.384.793)	(19.893.629.227)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh CK	40		186.633.552	126.758.260
10. Lợi nhuận khác	50		50.912.811	-
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	60		237.546.363	126.758.260
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	70	13	-	-
13. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80		237.546.363	126.758.260

Dương Minh Đức
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2009

Nguyễn Văn Nhiệm
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	2008	Từ 19/12/2006 đến 31/12/2007 (Điều chỉnh lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN		
1. Lợi nhuận trước thuế	237.546.363	126.758.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	1.877.951.111	599.863.803
Các khoản lập dự phòng	8.985.366.199	24.492.116.637
Các khoản chi phí phải trả	242.678.429	308.007.838
Chi phí lãi vay	18.994.660.543	241.149.166
Chi quỹ khen thưởng phúc lợi	(403.580.555)	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	29.934.622.090	25.767.895.704
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	47.292.250.674	(55.017.732.811)
(Tăng) hàng tồn kho	(158.246.309)	(64.000.000)
(Tăng) chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(421.601.360.906)	(191.639.179.137)
Tăng khoản phải trả và các khoản công nợ khác	28.893.747.293	45.250.627.504
Tăng thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	8.265.914.505	55.948.015.987
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	659.348.434	(3.339.188.891)
(Tăng) các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	(312.512.409)	(2.882.642.995)
Giảm/(Tăng) tài sản ngắn hạn khác	1.199.529.710	(1.810.771.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(305.826.706.918)	(127.786.976.133)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(3.983.551.777)	(6.632.365.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.983.551.777)	(6.632.365.992)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	287.250.000.000
2. Gốc vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	300.000.000.000	41.420.098.837
3. Trả gốc vay	(41.420.098.837)	-
4. Trả lãi tiền vay	(11.567.216.098)	(241.149.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	247.012.685.065	328.428.949.671
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(62.797.573.630)	194.009.607.546
Tiền tồn đầu kỳ	194.009.607.546	-
Tiền tồn cuối kỳ	131.212.033.916	194.009.607.546

Dương Minh Đức
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2009

Nguyễn Văn Nhiệm
Kẻ toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 VND. Ngày 10/07/2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 140/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 150.000.000.000 VND lên 287.250.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 152 người (2007: 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ngày 24/10/2008, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 95/2008/TT-BTC Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC (“Quyết định 99”) ngày 13/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008. Tuy nhiên, trong năm 2008, Công ty vẫn lập báo cáo theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/6/2000 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của người đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh, chứng khoán nhận Repo và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC (“Thông tư 11”) ngày 01 tháng 02 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán không được niêm yết được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm các cổ phiếu.

Dự phòng giảm giá của các chứng khoán tự doanh được ghi nhận vào chi phí của Công ty trong các giao dịch chứng khoán.

Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu của người đầu tư

Phải thu của người đầu tư bao gồm Phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư; phải thu tiền bán quyền nhận tiền bán chứng khoán cho người đầu tư và phải thu nhà đầu tư mua cổ phiếu.

Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư

Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư phản ánh chi tiết kết quả thanh toán bù trừ mua bán chứng khoán của từng người đầu tư ở công ty chứng khoán do Trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh khi thực thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho người đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ việc cho vay ứng trước tiền nhận quyền bán chứng khoán..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng Repo được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

	31/12/2007	31/12/2007	
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Thay đổi
	VND	VND	VND
Dự phòng giảm giá CK tự doanh	4.247.736.900	24.492.116.637	20.244.379.737
Thuế và các khoản phải nộp	5.718.457.995	14.539.356	(5.703.918.639)
Quỹ dự phòng tài chính	1.466.721.936	12.675.826	(1.454.046.110)
Lợi nhuận chưa phân phối	13.200.497.422	114.082.434	(13.086.414.988)
	24.633.414.253	24.633.414.253	-
	Kỳ hoạt động kết thúc	Kỳ hoạt động kết thúc	
	ngày 31/12/2007	ngày 31/12/2007	
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Thay đổi
	VND	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh CK	12.934.812.949	33.179.192.686	20.244.379.737
Tổng lợi nhuận trước thuế	20.371.137.997	126.758.260	(20.244.379.737)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.703.918.639	-	(5.703.918.639)
Tổng lợi nhuận sau thuế	14.667.219.358	126.758.260	(14.540.461.098)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC (TIẾP THEO)**

Chỉ tiêu “dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh” của Công ty trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2007 không bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết, chủ yếu là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Bắc, không có giá tham chiếu trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm trước. Tại ngày lập báo cáo này, phần lớn các cổ phiếu này đã có thông tin về giá tham chiếu và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán tự doanh tại ngày 31/12/2008. Ban Giám đốc công ty cũng quyết định điều chỉnh hồi tố khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh tại ngày 31/12/2007 theo giá ước tính có thể giao dịch được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, giá trị khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh tại ngày 31/12/2007 tăng lên là 20.244.379.737 VND và lợi nhuận trước thuế của kỳ kế toán từ ngày 19/12/2006 đến ngày 31/12/2007 giảm tương ứng. Ban giám đốc đánh giá rằng việc điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính của kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007 sẽ cung cấp các thông tin phù hợp và tin cậy hơn cho người sử dụng báo cáo tài chính của năm kết thúc 31/12/2008.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	(Điều chỉnh lại)
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết	168.713.596.856	108.680.428.537
Cổ phiếu niêm yết	82.939.120.187	35.351.750.600
Trái phiếu	102.000.000	-
	251.754.717.043	144.032.179.137
Đầu tư ngắn hạn của công ty chứng khoán		
Tiền gửi có kỳ hạn	130.000.000.000	-
Hợp đồng hợp tác đầu tư và ủy thác đầu tư	42.737.223.000	-
Mua bán Repo	109.391.800.000	9.373.000.000
	282.129.023.000	9.373.000.000
Trừ : Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh		
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(23.579.161.980)	(4.247.736.900)
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(9.898.320.856)	(20.244.379.737)
	(33.477.482.836)	(24.492.116.637)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	500.406.257.207	128.913.062.500

Cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty chủ yếu bao gồm cổ phiếu của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền bắc với giá trị 90,9 tỉ VND (1.472.562 cổ phiếu, giá gốc 61.768 VND/cổ phiếu), Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với giá trị 28,5 tỉ VND (2.849.855 cổ phiếu, giá gốc 10.000 VND/cổ phiếu), Công ty cổ phần Thủy điện Thác mơ với giá trị 19,6 tỉ VND (400.000 cổ phiếu, giá gốc 49.000 VND/cổ phiếu), Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với giá trị 11,8 tỉ VND (468.946 cổ phiếu, giá gốc 25.233 VND/cổ phiếu) và các cổ phiếu khác.

Các hợp đồng đầu tư của Công ty bao gồm: Hợp đồng ủy thác đầu tư có chỉ định mục đích số 15/2008/HDUTĐT/PVS ngày 26/5/2008 giữa PVS và Công ty TNHH Đầu tư tư nhân Vina (VP Capital) về đầu tư các dự án do Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc VN thực hiện với số dư tại 31/12/2008 là 4.742.223.000 VND, lãi suất 16% 1 năm; và hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2008/HĐHTĐT/PVS-VT giữa PVS và Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại VT với số dư tại 31/12/2008 là 37.995.000.000 VND, lãi suất 14% 1 năm. Hợp đồng ủy thác đầu tư với VP Capital đã đáo hạn trong tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã thực hiện các hợp đồng Repo mua chứng khoán và cam kết bán lại, do đó đã phát sinh khoản đầu tư ngắn hạn khác liên quan đến các hợp đồng Repo chứng khoán với số dư tại thời điểm 31/12/2008 là 109.391.800.000 VND (tại ngày 31/12/2007 là 9.373.000.000 VND). Khả năng thu hồi của khoản đầu tư này và số lãi phải thu phụ thuộc vào việc khách hàng sẽ mua lại cổ phiếu khi hợp đồng đáo hạn. Tại ngày 31/12/2008, giá trị tham chiếu của các loại chứng khoán thấp hơn so với giá trị repo khoảng 2,9 tỷ VND. Hiện tại, thị trường chứng khoán đang trong giai đoạn điều chỉnh giảm. Do chưa có đủ thông tin để đánh giá khả năng thu hồi và tính toán mức dự phòng cần thiết đối với các khoản đầu tư này nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá của các chứng khoán Repo cũng như lãi dự thu từ các hợp đồng Repo này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh của Công ty được trích lập dựa trên giá ước tính có thể giao dịch được với giá trị 33.477.482.836 VND. Theo các qui định hiện hành về kế toán, dự phòng giảm giá được trích lập trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán đầu tư. Nếu trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh trên cơ sở các thông tin về giá tham chiếu trên thị trường tại ngày 31/12/2008, giá trị khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh sẽ tăng 91.020.634.400 VND và lợi nhuận trước thuế giảm một khoản tương ứng.

6. PHẢI THU CỦA NGƯỜI ĐẦU TƯ

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư	371.412.386	977.113.886
Phải thu tiền bán quyền nhận tiền bán chứng khoán	2.764.442.091	29.271.249.363
Phải thu nhà đầu tư mua cổ phiếu	1.499.400.000	10.163.800.000
	4.635.254.477	40.412.163.249

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	4.971.394.992	1.620.971.000	6.592.365.992
Tăng trong kỳ	3.294.617.702	-	3.294.617.702
Tại ngày 31/12/2008	8.266.012.694	1.620.971.000	9.886.983.694
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2008	428.942.133	170.256.525	599.198.658
Khấu hao trong kỳ	1.361.429.755	213.864.514	1.575.294.269
Tại ngày 31/12/2008	1.790.371.888	384.121.039	2.174.492.927
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2008	4.542.452.859	1.450.714.475	5.993.167.334
Tại ngày 31/12/2008	6.475.640.806	1.236.849.961	7.712.490.767

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí VN	17.595.000.000	16.620.000.000
Công ty cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	5.500.000.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí Petroland	24.261.800.000	20.114.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư tư nhân Vina (VP Capital)	28.000.000.000	-
	79.356.800.000	38.234.000.000

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa thu thập được đầy đủ báo cáo tài chính theo luật định của các công ty mà công ty góp vốn đầu tư nói trên. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá rằng, giá trị của các khoản đầu tư dài hạn khác không suy giảm trọng yếu tại ngày 31/12/2008.

9. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	300.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí Toàn cầu GP-Bank	-	41.420.098.837
	-	41.420.098.837

Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng Hỗ trợ vốn kinh doanh số 4220/HĐ-DKVN ngày 16/6/2008 với thời hạn 1 năm và lãi suất bằng lãi suất không kỳ hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trả cho các tổ chức kinh tế + 4.4%/năm.

10. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải trả tiền góp vốn cho Petroland	-	21.000.000.000
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	5.844.043.319
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá	1.088.971.653	2.384.332.960
Phải trả chi phí bán chứng khoán tại thời điểm cuối năm	11.153.290.687	-
Nhận trước tiền của người đầu tư mua cổ phiếu	4.556.628.825	48.680.000
Phải trả phải nộp khác	394.130.183	20.678.575
	17.193.021.348	29.297.734.854

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. NGUỒN VỐN**Thay đổi trong nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ đã góp VND	Dự trữ pháp định VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 19/12/2006						
Góp vốn trong kỳ	287.250.000.000	-	-	-	-	287.250.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	126.758.260	126.758.260
Trích lập các quỹ	-	6.337.913	6.337.913	-	(12.675.826)	-
Tại ngày 31/12/2007 (Điều chỉnh lại)	287.250.000.000	6.337.913	6.337.913	-	114.082.434	287.376.758.260
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	237.546.363	237.546.363
Chi từ quỹ	-	-	-	(403.580.555)	-	(403.580.555)
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	(274.835.413)	(274.835.413)
Tại ngày 31/12/2008	287.250.000.000	6.337.913	6.337.913	(403.580.555)	76.793.384	286.935.888.655

(*) Đây là khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm 2007 theo Biên bản thanh tra thuế của Tổng cục thuế ngày 21/07/2008.

Tại ngày báo cáo này, chưa có phê duyệt của đại hội đồng cổ đông liên quan đến phương án phân chia lợi nhuận hoặc xử lý các khoản tạm phân phối lợi nhuận trong năm.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	191.250.000.000	66,58
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	37.500.000.000	13,05
Tổng Công ty Xây dựng sông Hồng	3.750.000.000	1,31
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	2.700.000.000	0,94
Cổ đông khác	52.050.000.000	18,12
	287.250.000.000	100

12. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	2008 VND	Từ 19/12/2006 đến 31/12/2007 (Điều chỉnh lại) VND
Chi phí về vốn kinh doanh	18.994.660.543	241.149.166
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	17.150.828.733	573.491.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	8.985.366.199	24.492.116.637
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	5.456.060.535	3.515.474.843
Các chi phí khác	8.075.155.966	4.356.961.040
	58.662.071.976	33.179.192.686

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2008	Từ 19/12/2006 đến 31/12/2007 (Điều chỉnh lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	237.546.363	126.758.260
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.995.956.721)	(151.038.300)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.227.538.572	-
Lỗ tính thuế	(530.871.786)	(24.280.040)
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

14. CÁC KHOẢN LỖ TIỀM TÀNG

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá rằng lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo biên bản thanh tra thuế ngày 21/07/2008 của Tổng cục thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007 là 5.978.754.052 VND (trước khi công ty điều chỉnh hồi tố báo cáo số liệu năm 2007). Công ty đã nộp vào ngân sách nhà nước trong năm 2008 số tiền 274.835.413 VND. Ảnh hưởng của vấn đề này tại ngày báo cáo này là chưa chắc chắn nhưng có thể trọng yếu.

Tại ngày lập báo cáo này (20/03/2009), thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn điều chỉnh giảm. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết bị giảm khoảng 105,3 tỉ VND.

Ban Giám đốc cũng đánh giá rằng giá trị thị trường của các khoản chứng khoán chưa niêm yết, các khoản repo và các các khoản đầu tư dài hạn khác có thể suy giảm đáng kể tại ngày báo cáo này.

15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 25/10/2006, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký hợp đồng thuê nhà số 5582/HĐTĐN với Công ty cổ phần Thương mại TD thuê tòa nhà số 20 Ngô Quyền và ủy quyền cho Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí quản lý để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 20.000 USD/tháng được thanh toán 6 tháng 1 lần trong vòng 10 ngày đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***16. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2008	Từ 19/12/2006 đến 31/12/2007
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	-	100.000.000
- Công ty cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	70.000.000
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	70.000.000
- Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu mỏ	-	60.000.000
- Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	34.000.000	110.000.000
- Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	100.045.487	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	838.311.233	752.653.951

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu nhà đầu tư mua cổ phiếu		
- Ngô Anh Tuấn	-	149.000.000
- Dương Minh Đức	-	160.400.000
- Nguyễn Anh Tuấn	-	68.000.000
- Trần Hùng Dũng	-	66.200.000
Các khoản phải thu		
- Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	20.000.000
- Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	-	50.000.000
- Công ty cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	40.000.000
- Trung tâm Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	163.000.000
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	40.000.000	-
Các khoản phải trả		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51.984.876.179	5.844.043.319
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí Petroland	-	21.000.000.000
- Công ty kinh doanh		
Các khoản vay		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	300.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***17. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ**

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	4.629.390	221.961.794.000
2. Chứng khoán của người đầu tư		
Cổ phiếu	57.007.808	2.329.387.406.600
Chứng chỉ quỹ	1.462.280	11.328.524.000
Trái phiếu	23.789.990	2.079.113.505.870
	86.889.468	4.641.791.230.470

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 19/12/2006 đến 31/12/2007 đã được điều chỉnh hồi tố và phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ không thể so sánh được do khác nhau về kỳ kế toán.
